

Số: 80 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 6 năm 2016

## TỜ TRÌNH

### Về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

#### I. VỀ MỨC THU TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

##### 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước với 02 vụ trở lên trong năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

##### 2. Mức thu:

|   |   |  |
|---|---|--|
| Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa | = | 50% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa |
|---|---|--|

Trong đó:

- Diện tích - là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể theo quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền;

- Giá của loại đất trồng lúa được tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành.

##### 3. Xác định và phê duyệt số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp do UBND tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp do UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/7/2015.

4. Phương thức nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: Bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản thu ngân sách tỉnh (7111), mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

5. Thời gian nộp tiền: Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định (thông báo) nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

## II. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

### 1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bao gồm:

1.1. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Phần I;

1.2. Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

1.3. Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã bố trí để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn nhằm mục tiêu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

### 2. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí

2.1. Phân bổ 35% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung (Tại Mục 1.1 và Mục 1.2) cho các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê đất đai do UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm phân bổ ngân sách, cụ thể như sau:

|                            |   |                                      |   |                                   |
|----------------------------|---|--------------------------------------|---|-----------------------------------|
| Kinh phí phân bổ huyện (A) | = | (Tổng nguồn kinh phí)<br>x 35%       | x | Diện tích đất trồng lúa huyện (A) |
|                            |   | Tổng diện tích đất trồng lúa cả tỉnh |   |                                   |

Các địa phương sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ, kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp huyện, xã hàng năm để thực hiện các mục tiêu sau:

- Thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (ưu tiên hệ thống kênh mương nội đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ do địa phương quản lý).

- Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác khai hoang đất chưa sử dụng hoặc phục hồi đất bỏ hoang thành đất trồng lúa nước.

- Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

- Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Áp dụng chi theo Điều 12, Điều 14 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

- Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Phân bổ 65% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung (Tại Mục 1.1 và Mục 1.2) cho ngân sách cấp tỉnh; kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện việc quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm.

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn hơn 5 ha, như: công trình hồ chứa, đập dâng, công trình trạm bơm và hệ thống kênh chính sau công trình đầu mối.

- Thực hiện các mục tiêu khác phục vụ công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2016.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành cấp tỉnh liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên (để báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các uỷ viên UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT(CVA15532).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH *clac*



*[Signature]*  
Nguyễn Đức Quyền

Số: /2016/NQ-HĐND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí  
bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /KTNS-HĐND ngày tháng năm 2016 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành với Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

**I. VỀ MỨC THU TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA**

**1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước với 02 vụ trở lên trong năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

**2. Mức thu**

|   |   |  |
|---|---|--|
| Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa | = | 50% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa |
|---|---|--|

Trong đó:

- Diện tích - là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể theo quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền;

- Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

## II. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

### 1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bao gồm:

1.1. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Phần I;

1.2. Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

1.3. Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm (gồm cả ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, xã) bố trí cho các mục tiêu nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa kênh mương, hồ đập, đập dâng và các mục tiêu phục vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

### 2. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí.

2.1. Phân bổ 35% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung (tại Mục 1.1 và Mục 1.2) cho các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê đất đai do UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm phân bổ ngân sách, cụ thể như sau:

|                            |   |                                      |   |                                   |
|----------------------------|---|--------------------------------------|---|-----------------------------------|
| Kinh phí phân bổ huyện (A) | = | (Tổng nguồn kinh phí)<br>x 35%       | x | Diện tích đất trồng lúa huyện (A) |
|                            |   | Tổng diện tích đất trồng lúa cả tỉnh |   |                                   |

Các địa phương sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ, kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp huyện, xã hàng năm để thực hiện các mục tiêu sau:

- Thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (ưu tiên hệ thống kênh mương nội đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ do địa phương quản lý).

- Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác khai hoang đất chưa sử dụng hoặc phục hóa đất bỏ hoang thành đất trồng lúa nước.

- Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

- Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Áp dụng chi theo Điều 12, Điều 14 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

- Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Phân bổ 65% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung (Tại Mục 1.1 và Mục 1.2) cho ngân sách cấp tỉnh; kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện việc quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm.

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn hơn 5 ha, như: công trình hồ chứa, đập dâng, công trình trạm bơm và hệ thống kênh chính sau công trình đầu mối.

- Thực hiện các mục tiêu khác phục vụ công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nội dung Nghị quyết này các quy định hiện hành của pháp luật để ban hành quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp Thứ I thông qua ngày tháng năm 2016./.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**